

PHIẾU BÀI TẬP TUẦN 1 – MÔN TIẾNG VIỆT

I. ĐỌC HIỂU

Đọc đoạn văn sau, khoanh vào câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

ONG THỢ

Trời hé sáng, tổ ong mật nằm trong gốc cây bỗng hóa rộn rịp. Ong thường thức dậy sớm, suốt ngày làm việc không chút nghỉ ngơi. Ong Thợ vừa thức giấc đã vội vàng bước ra khỏi tổ, cất cánh tung bay. Ở các vườn chung quanh, hoa đã biến thành quả. Ong Thợ phải bay xa tìm những bông hoa vừa nở. Con đường trước mắt Ong Thợ mở rộng thênh thang. Ông mặt trời nhô lên cười. Hôm nào Ong Thợ cũng thấy ông mặt trời cười. Cái cười của ông hôm nay càng rạng rỡ. Ong Thợ càng lao thẳng về phía trước.

Chợt từ xa, một bóng đen xuất hiện. Đó là thằng Quạ Đen. Nó lướt về phía Ong Thợ, xoẹt sát bên Ong Thợ toan đớp nuốt. Nhưng Ong Thợ đã kịp lách mình. Thằng Quạ Đen đuổi theo nhưng không tài nào đuổi kịp. Đường bay của Ong Thợ trở lại thênh thang.



Câu 1: Tổ ong mật nằm ở đâu?

- A. Trên ngọn cây B. Trên vòm lá C. Trong gốc cây

Câu 2: Tại sao Ong Thợ không tìm mật ở những khu vườn chung quanh?

- A. Vì ở các vườn chung quanh hoa đã biến thành quả.
B. Vì ở các vườn chung quanh có Quạ Đen.
C. Vì ở các vườn chung quanh hoa không có mật.

Câu 3: Quạ Đen đuổi theo Ong Thợ để làm gì?

- A. Để đi chơi cùng Ong Thợ
B. Để đi lấy mật cùng Ong Thợ
C. Để toan đớp nuốt Ong Thợ



Câu 4: Ong Thợ đã làm gì để Quạ Đen không đuổi kịp?

- A. Ong Thợ quay lại định đớp nuốt Quạ Đen.
B. Ong Thợ nhanh nhẹn lách mình tránh Quạ Đen.
C. Ong Thợ bay nhanh trên đường bay rộng thênh thang.

Câu 5: Trong đoạn văn trên có những nhân vật nào?

- A. Quạ Đen, Ông mặt trời
B. Ong Thợ, Quạ Đen
C. Ong Thợ, Quạ Đen, Ông mặt trời

II. LUYỆN TỪ VÀ CÂU

Bài 1. Kéo thả từ vào ô thích hợp

Từ chỉ người	Từ chỉ đồ vật	Từ chỉ con vật	Từ chỉ cây cối	Từ chỉ hiện tượng	Từ chỉ bộ phận con người

Từ chỉ người	Từ chỉ đồ vật	Từ chỉ con vật	Từ chỉ cây cối	Từ chỉ hiện tượng	Từ chỉ bộ phận cây cối

					
cô giáo	đồng hồ	con voi	quả xoài	cầu vồng	mũi

					
học sinh	điện thoại	con kiến	hoa hồng	mặt trời	lá cây

Bài 2. Chọn hình ảnh so sánh thích hợp điền vào ô trống

1. Ông mặt trời tròn như cái đĩa / cái bát / ông mặt trời
2. Mặt biển rộng mênh mông như một tấm thảm khổng lồ / chiếc khăn lau mặt
3. Tay em xinh như búp hoa / cánh hoa
4. Làn da bạn ấy trắng mịn màng như lòng đỏ trứng gà / da em bé
5. Cậu bé chạy nhanh như sóc / voi / mực